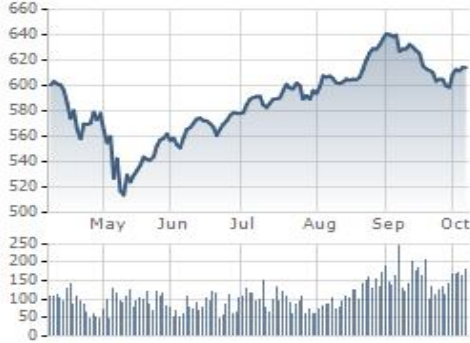


HOSE 08/10/2014

VNINDEX	617.26	3.18	0.52%
KLGD	175,390,800	CP	
GTGD	3,128.48	Tỷ	
GTR NDTNN	-	74.94	Tỷ

CP Tăng giá	102	CP
CP Giảm giá	135	CP
CP Đứng giá	67	CP



HNX 08/10/2014

HNXINDEX	91.21	-0.04	-0.04%
KLGD	82,463,141	CP	
GTGD	1,150.11	Tỷ	
GTR NDTNN	-	34.61	Tỷ

CP Tăng giá	109	CP
CP Giảm giá	104	CP
CP Đứng giá	166	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	658.98	-0.18	-0.03%
HNX30	185.30	-1.47	-0.79%

Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu vốn hóa lớn kéo thị trường trở lại sau nhịp rung lắc**
- ▶ **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 4,200 tỷ đồng
- ▶ **Mỗi năm thu hút được 20 dự án FDI vào nông nghiệp**
Tỷ trọng vốn FDI trong nông nghiệp thấp và có xu hướng ngày càng giảm Đại đoàn kết
- ▶ **Dự báo tăng trưởng tín dụng bình quân 14.5% năm 2014**
Theo kết quả điều tra Vụ Dự báo, thống kê Ngân hàng Nhà nước DVO/SBV
- ▶ **IMF tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu**
IMF đã hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống 3.3% cho năm 2014 Reuters
- ▶ **CDC: Lãi 9 tháng gấp 3 lần cùng kỳ**
Với KQKD này, HĐQT công ty đã nhất trí trả cổ tức năm 2014 là 10% bằng tiền mặt Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **CMS: Đã sử dụng hơn 70% vốn huy động đầu năm**
Trong đó, công ty đã sử dụng 20 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động Vietstock

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
--	--------------	-----	-----	-----	-----

Theo thị trường

HOSE	1,099,733	15.4	3.2	19.3%	10.5%
HNX	149,102	15.2	1.8	9.2%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,248,835	17.3	3.2	18.8%	9.9%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,547	6.9	1.0	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,660	9.4	1.6	16.3%	10.9%
Thép và sản phẩm thép	38,942	17.0	2.2	20.5%	9.5%
Khai khoáng	12,569	66.3	5.5	0.5%	0.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,955	17.3	1.5	11.0%	7.3%
Xây dựng	34,133	52.4	1.3	-1.6%	1.9%
Máy công nghiệp	9,285	9.8	1.5	15.1%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,545	9.1	1.6	18.8%	13.6%
Lốp xe	9,226	11.5	3.3	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,682	12.4	1.9	16.5%	6.1%
Thực phẩm	197,779	24.1	4.7	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,668	10.9	3.0	24.9%	16.4%
Phần mềm	18,696	11.6	2.4	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	26,620	-	6.3	-15.7%	0.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	209,711	17.1	5.6	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,899	22.8	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	30,025	15.2	1.7	9.6%	7.0%
Ngân hàng	242,270	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	180,745	18.4	3.2	21.3%	5.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	53,012	11.9	2.6	22.6%	9.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Mỗi năm thu hút được 20 dự án FDI vào nông nghiệp

Dự báo tăng trưởng tín dụng bình quân 14.5% năm 2014

IMF tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

CDC: Lãi 9 tháng gấp 3 lần cùng kỳ

CMS: Đã sử dụng hơn 70% vốn huy động đầu năm

60/86 công ty chứng khoán có lãi 8 tháng đầu năm, tổng lãi gần 3,000 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến tháng 8/2014 có 512 dự án FDI trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3.4 tỷ USD, chiếm 3.03% tổng số dự án và 1.4% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực này đứng thứ 10 trong số 18 ngành kinh tế có đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy, tỷ trọng vốn FDI trong nông nghiệp thấp trong cơ cấu ngành kinh tế và có xu hướng ngày càng giảm. Hiện nay có 16,910 dự án FDI được cấp phép đầu tư với tổng vốn 243 tỷ USD. Tuy nhiên lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chỉ có 509 dự án.

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh đối với các tổ chức tín dụng (TCTD) và chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Việt Nam quý 4/2014 của Vụ Dự báo, thống kê NHNN cho thấy, 100% các TCTD là ngân hàng đều lạc quan nhận định trạng thái thanh khoản của họ sẽ tiếp tục duy trì "ổn định" hoặc "cải thiện" trong quý 4/2014 và cả năm 2014 so với năm 2013, đặc biệt đa số các TCTD thuộc nhóm NHTM nhà nước nhận định tình hình thanh khoản của họ đã "cải thiện mạnh". Kết quả điều tra cũng cho thấy, 90% TCTD kỳ vọng huy động vốn và dư nợ tín dụng của đơn vị mình tiếp tục tăng trưởng dương và có thể tăng tốc trong những tháng cuối năm 2014, bình quân toàn hệ thống kỳ vọng tăng trưởng tương ứng 4.96% và 5.13% trong quý 4/2014; 14.4% và 14.5% trong cả năm 2014 đối với huy động vốn và dư nợ tín dụng.

Trong báo cáo "Triển vọng Kinh tế Thế giới" mới nhất của mình, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống 3.3% cho năm 2014 và 3.8% cho năm 2015 từ mức dự báo đưa ra hồi tháng 7 lần lượt là 3.4% và 4%. Với dự báo mới này, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2014 sẽ bằng với tốc độ tăng trưởng của năm 2013. Đây là lần thứ hai trong vòng 6 tháng qua IMF điều chỉnh giảm dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đưa ra nguyên nhân là kết quả tăng trưởng quý 1/2014 kém hơn kỳ vọng và do những rủi ro khiến cho tăng trưởng suy giảm, trong đó chủ yếu là rủi ro địa chính trị tại Ucraina và Trung Đông.

► Tin doanh nghiệp

Ông Trần Mai Cường, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Chương Dương (HOSE: CDC) cho biết, 9 tháng đầu năm 2014, lợi nhuận trước thuế của Công ty ước đạt 10 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận cả năm, gấp hơn 3 lần lợi nhuận thực hiện trong năm 2013. Với kết quả kinh doanh này, HĐQT đã nhất trí trả cổ tức năm 2014 là 10% bằng tiền mặt và những năm sau phần đầu ít nhất ở mức 10%. Hiện Công ty đang có kế hoạch thoái vốn tại một số dự án, nếu thành công, lợi nhuận sẽ tăng đột biến, do những dự án này được hình thành từ năm 2002 với giá vốn rất thấp.

HĐQT CTCP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (HNX: CMS) cho biết đã sử dụng 20 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động và hơn 1.5 tỷ đồng để mua máy móc thiết bị phục vụ thi công, số tiền còn lại dự kiến sẽ dùng làm vốn đối ứng để đầu tư cho dự án mới thi công đầu năm 2015. Cụ thể, CMS đã đầu tư ô tô bán tải Hulux (735 triệu đồng) với 100% vốn từ công ty, đầu tư cho dự án Xepian Xenamnoy và đầu tư máy đào (820 triệu đồng). Số tiền bổ sung cho vốn lưu động gần 20 tỷ đồng. Theo đó, số tiền còn lại chưa đầu tư cho máy móc thiết bị là 8.4 tỷ đồng, hiện CMS đang gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng, dự kiến sẽ được sử dụng làm vốn đối ứng để đầu tư thiết bị cho dự án mới thi công vào đầu năm 2015.

Theo tài liệu gặp mặt báo chí định kỳ quý 3/2014 của Sở GDCK TPHCM (HOSE) diễn ra vào chiều ngày 07/10, trong tháng 8/2014, có 60/86 công ty chứng khoán hoạt động có lãi với lãi đạt hơn 393 tỷ đồng, còn lại 26 công ty lỗ với số lỗ là 18 tỷ đồng. Theo đó thì lũy kế 8 tháng lãi của 60 công ty chứng khoán đạt hơn 2,991 tỷ đồng, 26 công ty lỗ 216 tỷ đồng. Tổng giá trị giao dịch nghiệp vụ môi giới trong tháng 8 đạt hơn 96,760 tỷ đồng (gồm mua và bán), tăng 24% so với tháng 7 và chiếm 99% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Trong đó giá trị môi giới cổ phiếu chiếm 99.99%, còn lại 0.01% là của chứng chỉ quỹ.

HOSE 08/10/2014 VNINDEX 617.26 3.18 0.52% 175,390,800 CP 3,128.48 bil VND

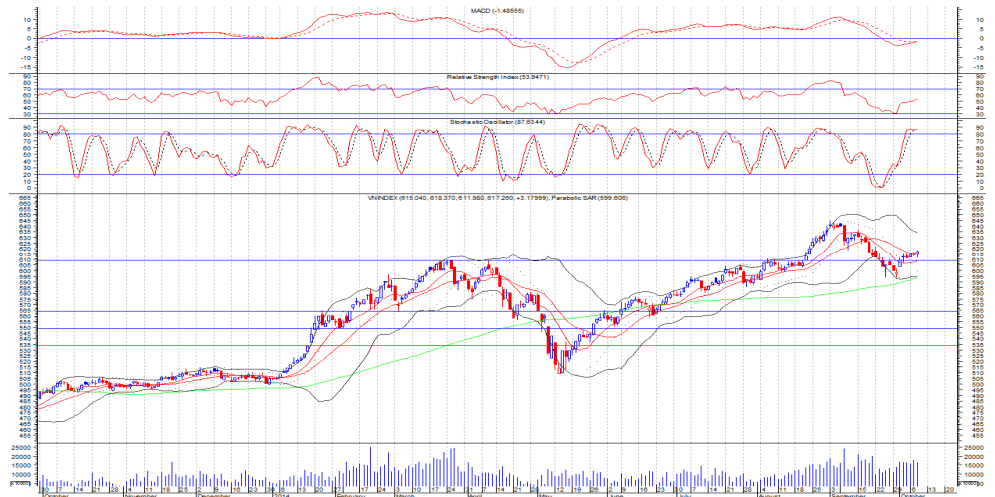
Cổ phiếu vốn hóa lớn kéo thị trường trở lại sau nhịp rung lắc

VN-Index tăng 3.18 điểm (+0.52%), đóng cửa tại mức 617,26 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến vừa phải, VN-Index đã vượt qua mốc kháng cự MA20.

- MACD cho tín hiệu mua trở lại đây là một dấu hiệu rất tích cực.

- Stochastic Oscillator vẫn đang ở vùng quá mua, xu hướng tăng điểm VN-Index vẫn đang được duy trì.

- Nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm nếu lực cầu vẫn duy trì tốt như hiện nay dù lực bán sẽ lớn dần lên.



HOSE Top 5 theo KLGD

VHG	0.7 (5.1%)	9,503,190
ITA	-0.3 (-3.2%)	9,488,520
FLC	-0.2 (-1.7%)	8,946,790
SSI	-0.2 (-0.6%)	7,047,680
KBC	-0.6 (-3.4%)	6,867,530

HOSE Top 5 theo % tăng

GTN	1 (7.0%)	155,050
BT6	0.5 (6.8%)	39,070
PXS	2.3 (6.8%)	2,777,750
SBC	0.9 (6.8%)	37,380
FDC	1.8 (6.7%)	363,350

HOSE Top 5 theo % giảm

MWG	-65 (-37.1%)	138,900
EVE	-1.8 (-6.9%)	3,770
HOT	-1.9 (-6.9%)	10
CDC	-0.8 (-6.3%)	510,050
VMD	-1.1 (-5.8%)	11,410

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KBC	48,1 tỷ	2,979,000
VCB	24,4 tỷ	961,700
HPG	8,8 tỷ	151,550
DHG	2,9 tỷ	28,940
DRC	2,6 tỷ	40,410

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HVG	-28,4 tỷ	834,600
HAG	-26,9 tỷ	1,028,150
PVD	-22,0 tỷ	221,050
SSI	-18,3 tỷ	582,110
GAS	-17,3 tỷ	160,780

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-668,060	74.94

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự giằng co vẫn tiếp diễn trên cả 2 sàn, nhóm cổ phiếu dầu khí giao dịch tích cực tạo đà hưng phấn, dòng tiền vẫn đang duy trì tốt giúp VN-Index tiếp tục tăng điểm.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 167 triệu đơn vị. Thanh khoản vẫn ở mức khá cao, cho thấy niềm tin của giới đầu tư vẫn khá lớn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ với giá trị 4,32 tỷ. Khối này mua nhiều ở mã KBC, HAG. Bán nhiều ở HSG, HPG
- ▶ Chúng tôi vẫn tin tưởng vào nhịp hồi phục này của thị trường. Tuy nhiên dòng tiền sẽ phân hóa khá mạnh, hướng đến các mã có KQKD quý 3 tốt.
- ▶ NĐT tận dụng nhịp điều chỉnh để có thể gia tăng lượng nắm giữ cổ phiếu, phân bổ danh mục vào nhóm cổ phiếu BĐS, Xây dựng, Cao su.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	17.5	5.7	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	110.0	110,013.05	17.3	5.7	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.0	71,955.55	15.8	1.6	10.6%	1.0%
VIC	1,421.7	49.9	70,940.38	14.9	4.1	27.6%	6.2%
MSN	735.8	82.0	60,336.27	-1,483.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.7	38,513.48	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	99.0	30,000.65	13.1	2.8	22.7%	10.7%
HPG	481.9	59.0	28,432.58	9.9	2.6	28.3%	12.8%
BVH	680.5	40.8	27,763.23	22.8	2.4	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

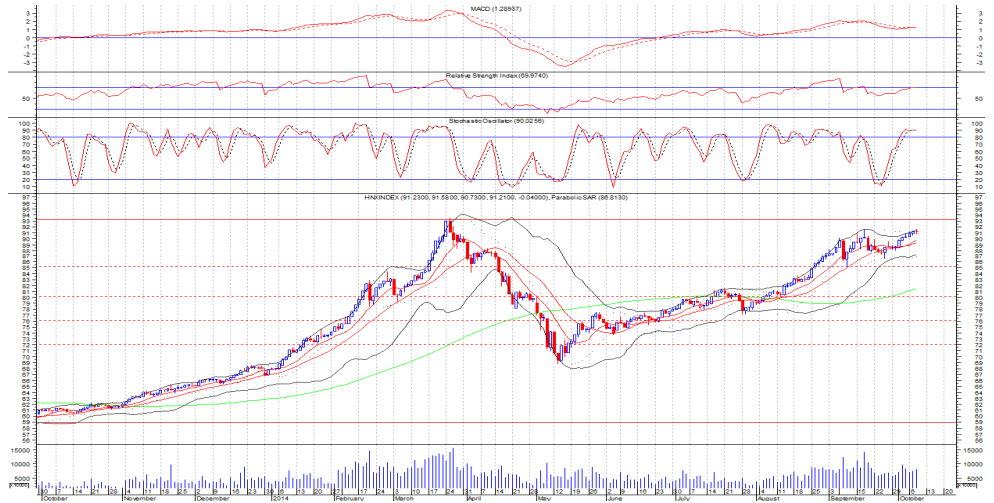
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	19.0	4,861.29	19.6	1.6	NA	TH.DOI
FPT	343.9	53.0	18,226.39	11.5	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.3	2,460.73	8.2	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	70.0	3,183.49	8.7	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	4.1	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	28.6	789.65	3.0	1.2	NA	TH.DOI

HNX 08/10/2014 HNX-Index 91.21 -0.04 -0.04% 82,463,141 CP 1,150.11 bil. VND

Cổ phiếu vốn hóa lớn kéo thị trường trở lại sau nhịp rung lắc

Chỉ số HNX-Index giảm 0.04 điểm (-0.04%), đóng cửa tại mốc 91.21 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến ngắn, cây nến gần giống nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của chỉ số này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn duy trì trong vùng quá mua, điều này cho thấy đà tăng HNX-Index vẫn đang khá tốt.
- MACD tiếp tục gia tăng, đây là dấu hiệu tích cực.
- RSI (14) duy trì ở mức 70.
- Nếu dòng tiền vẫn duy trì được sự tích cực, HNX-Index nhiều khả năng sẽ vẫn giữ đà tăng.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.1 (1.5%)	12,759,790
SHB	0 (0.0%)	7,716,220
KLF	-0.4 (-3.3%)	5,934,100
FIT	1.5 (5.7%)	5,016,850
SCR	-0.2 (-1.8%)	4,559,230

HNX Top 5 theo % tăng

SSG	0.2 (10.0%)	4,500
CCM	2.3 (10.0%)	200
TAG	2.3 (9.9%)	200
DNP	2.2 (9.9%)	16,500
SDA	0.8 (9.9%)	480,720

HNX Top 5 theo % giảm

CTC	-0.8 (-10.0%)	5,050
NDF	-3.5 (-9.8%)	63,100
BII	-1.7 (-9.6%)	473,200
PPP	-1 (-9.5%)	1,000
PEN	-1.3 (-8.9%)	13,200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

BVS	0,9 tỷ	58,500
KLS	0,5 tỷ	35,000
HMH	0,4 tỷ	14,700
KTS	0,3 tỷ	19,700
KKC	0,2 tỷ	11,700

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-12,5 tỷ	292,568
PVC	-12,0 tỷ	332,700
SHB	-6,6 tỷ	698,800
PGS	-2,5 tỷ	69,000
VND	-1,4 tỷ	85,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-1,424,168	- 34.61

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự giằng co vẫn tiếp diễn trên cả 2 sàn, nhóm cổ phiếu dầu khí giao dịch tích cực tạo đà hưng phấn, dòng tiền vẫn đang duy trì tốt trên 2 sàn
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 82 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng là một tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 34,61 tỷ. Lượng bán ròng gia tăng liên tục trong những phiên vừa qua, nhiều khả năng đã bán ròng sẽ vẫn còn diễn ra.
- ▶ HNX-Index đang hướng tới vùng đỉnh cũ 93 điểm. Với sự tích cực của dòng tiền, chúng tôi vẫn tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- ▶ NĐT tận dụng nhịp điều chỉnh để có thể gia tăng lượng nắm giữ cổ phiếu, phân bổ danh mục vào nhóm cổ phiếu BĐS, Xây dựng, Cao su.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	42.4	18,940.10	10.7	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	20.4	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	9.6	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.1	6,228.12	11.2	1.2	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	83.9	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	14.2	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	22.0	2,883.67	9.2	1.1	12.7%	5.7%
NTP	56.3	49.1	2,766.26	7.4	2.1	22.9%	15.2%
LAS	77.8	34.2	2,661.85	6.9	1.8	27.5%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.5	1,387.00	8.8	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.4	649.44	6.6	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.9	1,689.98	15.6	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.1	2,766.26	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	36.0	1,800.00	10.7	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	44.0	346.50	7.3	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	70,940.38	15.75%	49.9	14.85	4.10	3,010,490	2,566,838	1,743,196
HPG	HOSE	481.9	28,432.58	13.53%	59.0	9.90	2.61	522,197	708,564	873,168
PVD	HOSE	303.0	30,000.65	11.69%	99.0	13.05	2.76	414,492	665,644	488,738
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	11.42%	82.0	#####	4.22	112,578	203,593	252,816
HAG	HOSE	789.9	20,695.36	8.11%	26.2	17.60	1.50	5,498,343	4,517,654	3,383,104
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.47%	18.8	7.87	1.27	480,578	579,121	398,817
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	5.75%	27.0	15.76	1.63	749,631	617,428	478,403
DPM	HOSE	379.9	11,739.97	4.79%	30.9	9.21	1.31	589,384	1,010,030	1,179,715
ITA	HOSE	718.9	6,542.04	2.96%	9.1	72.84	0.86	8,948,836	9,049,546	7,038,261
KBC	HOSE	389.8	6,586.95	2.57%	16.9	29.86	1.34	6,496,121	5,316,286	2,936,725
BVH	HOSE	680.5	27,763.23	2.30%	40.8	22.83	2.39	310,394	368,853	222,338
HSG	HOSE	96.3	4,343.72	2.06%	45.1	13.56	1.87	393,662	294,698	211,573
GMD	HOSE	116.1	4,215.81	1.83%	36.3	8.32	0.87	1,232,015	1,296,030	625,091
PPC	HOSE	318.2	8,208.39	1.68%	25.8	16.91	1.64	433,624	879,413	752,462
HVG	HOSE	132.0	4,487.99	1.56%	34.0	37.96	1.92	1,885,349	2,399,238	1,405,223
CSM	HOSE	67.3	3,162.72	1.50%	47.0	8.81	2.65	236,740	315,611	306,725
PVT	HOSE	255.9	4,861.29	1.48%	19.0	19.62	1.62	2,282,854	2,731,282	2,153,009
DRC	HOSE	83.1	5,482.87	1.48%	66.0	14.54	3.95	142,113	241,577	228,558
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.31%	14.5	14.26	1.12	477,983	585,436	702,113
DIG	HOSE	178.7	2,681.15	1.01%	15.0	75.91	1.17	1,780,160	1,378,871	612,337
OGC	HOSE	300.0	3,900.00	0.76%	13.0	49.46	1.27	5,481,377	4,372,249	2,982,309

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	70,940.38	8.28%	49.9	14.85	4.10	3,010,490	2,566,838	1,743,196
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	8.09%	82.0	#####	4.22	112,578	203,593	252,816
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	6.66%	27.0	15.76	1.63	749,631	617,428	478,403
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.34%	18.8	7.87	1.27	480,578	579,121	398,817
PVS	HNX	446.7	18,940.10	5.45%	42.4	10.70	2.27	3,678,429	4,809,187	3,837,823
BVH	HOSE	680.5	27,763.23	4.54%	40.8	22.83	2.39	310,394	368,853	222,338
DPM	HOSE	379.9	11,739.97	4.18%	30.9	9.21	1.31	589,384	1,010,030	1,179,715
PVD	HOSE	303.0	30,000.65	4.04%	99.0	13.05	2.76	414,492	665,644	488,738
HAG	HOSE	789.9	20,695.36	3.68%	26.2	17.60	1.50	5,498,343	4,517,654	3,383,104
ITA	HOSE	718.9	6,542.04	2.96%	9.1	72.84	0.86	8,948,836	9,049,546	7,038,261
PPC	HOSE	318.2	8,208.39	2.75%	25.8	16.91	1.64	433,624	879,413	752,462
FLC	HOSE	314.9	3,715.75	2.56%	11.8	8.40	1.02	13,969,603	19,381,927	16,872,384
SHB	HNX	886.1	8,240.58	2.53%	9.3	9.64	0.77	4,174,108	5,120,799	4,315,944
VCG	HNX	441.7	6,228.12	2.03%	14.1	11.19	1.15	1,803,966	2,001,611	1,237,609
OGC	HOSE	300.0	3,900.00	1.69%	13.0	49.46	1.27	5,481,377	4,372,249	2,982,309
PVT	HOSE	255.9	4,861.29	1.61%	19.0	19.62	1.62	2,282,854	2,731,282	2,153,009
DRC	HOSE	83.1	5,482.87	0.95%	66.0	14.54	3.95	142,113	241,577	228,558
IJC	HOSE	274.2	3,920.98	0.62%	14.3	24.38	1.39	807,215	1,582,679	2,050,998
PVX	HNX	400.0	2,640.00	0.00%	6.6	- 2.10	3.51	10,504,316	10,759,112	9,039,961

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	70,940.38	0.00%	49.9	14.85	4.10	3,010,490	2,566,838	1,743,196
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.00%	82.0	#####	4.22	112,578	203,593	252,816
DPM	HOSE	379.9	11,739.97	0.00%	30.9	9.21	1.31	589,384	1,010,030	1,179,715
HAG	HOSE	789.9	20,695.36	0.00%	26.2	17.60	1.50	5,498,343	4,517,654	3,383,104
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	0.00%	27.0	15.76	1.63	749,631	617,428	478,403
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	7.87	1.27	480,578	579,121	398,817
BVH	HOSE	680.5	27,763.23	0.00%	40.8	22.83	2.39	310,394	368,853	222,338
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	330,057	347,005	357,138
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	17.52	5.74	482,214	379,108	349,125

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.88%	82.0	#####	4.22	112,578	203,593	252,816
VIC	HOSE	1,421.7	70,940.38	0.56%	49.9	14.85	4.10	3,010,490	2,566,838	1,743,196
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.31%	18.8	7.87	1.27	480,578	579,121	398,817
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	0.24%	27.0	15.76	1.63	749,631	617,428	478,403
DPM	HOSE	379.9	11,739.97	0.15%	30.9	9.21	1.31	589,384	1,010,030	1,179,715
BVH	HOSE	680.5	27,763.23	0.08%	40.8	22.83	2.39	310,394	368,853	222,338

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,547	6.9	1.0	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,660	9.4	1.6	16.3%	10.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,957	28.0	1.0	3.4%	1.5%
Sản xuất giấy	873	7.6	1.0	12.8%	6.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,942	17.0	2.2	20.5%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,936	3.3	0.8	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,569	66.3	5.5	0.5%	0.2%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,955	17.3	1.5	11.0%	7.3%
Xây dựng	34,133	52.4	1.3	-1.6%	1.9%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,200	8.3	1.2	16.1%	8.2%
Công nghiệp phức hợp	1,083	8.9	2.1	13.4%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,370	6.9	1.0	13.5%	6.0%
Thiết bị điện	1,936	19.7	1.3	1.5%	0.0%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	45	13.7	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	9,285	9.8	1.5	15.1%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	10,355	3.6	1.3	4.2%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,545	9.1	1.6	18.8%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,378	8.2	1.6	18.6%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,923	12.3	2.2	16.3%	7.9%
Đào tạo & Việc làm	250	10.4	0.8	8.9%	3.1%
Nhà cung cấp thiết bị	193	8.6	0.8	10.5%	4.3%
Chất thải & Môi trường	184	2.8	0.9	34.6%	16.3%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,221	19.5	1.3	11.8%	6.4%
Lốp xe	9,226	11.5	3.3	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,591	8.0	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	314	14.0	2.1	16.5%	10.4%
Đồ uống & giải khát	238	6.8	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,682	12.4	1.9	16.5%	6.1%
Thực phẩm	197,779	24.1	4.7	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	92	23.2	1.2	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,618	8.8	1.3	14.6%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	586	46.2	1.5	3.4%	2.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,722	9.9	1.9	18.1%	7.1%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,838	10.8	2.0	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	734	8.2	1.1	-0.8%	3.9%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,113	18.2	1.2	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	172	3.5	2.0	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	226	10.3	1.3	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,668	10.9	3.0	24.9%	16.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	254	47.8	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	741	11.4	1.2	13.2%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,122	11.5	1.9	17.1%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,113	9.8	1.0	10.0%	7.2%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,688	72.9	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,822	16.9	1.4	11.8%	9.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,757	21.0	3.4	23.1%	19.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	776	18.6	1.0	5.6%	2.0%
Internet	326	68.8	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,696	11.6	2.4	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	503	17.4	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	309	5.3	1.2	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,529	35.0	8.1	33.8%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	26,620	-	6.3	1.4	-15.7%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	209,711	17.1	5.6	33.0%	22.6%
Nước	1,233	6.6	1.1	17.0%	11.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,371	7.9	0.9	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,923	12.4	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,884	9.2	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,899	22.8	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,197	50.6	1.3	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán	30,025	15.2	1.7	9.6%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	242,270	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	180,745	18.4	3.2	21.3%	5.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	11	2.8	0.8	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	53,012	11.9	2.6	22.6%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.